

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2023

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1373/2022/TLST-HNGĐ Ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 416/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm X; địa chỉ: Số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm Y; địa chỉ: Số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng H có đăng ký kết hôn vào năm 2007, nhưng đến năm 2015 do mâu thuẫn gia đình không hạnh phúc, anh chị đã đồng ý ly hôn theo Quyết định số 66/2015/QĐST-HNGĐ. Vào năm 2015, chị và anh H đã

đăng ký kết hôn lại theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyền số Y do Ủy ban nhân dân Phường X, quận G cấp ngày X. Về con chung, có hai người con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày X và Nguyễn Trần An Đ, sinh ngày X. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ là H và Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là anh Nguyễn Trọng H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyền số Y do Ủy ban nhân dân Phường X, quận G, Thành phố H cấp ngày X.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Chị D cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh H không có hạnh phúc, cả hai không có sự hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị D, nhưng căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trước đây chị D và anh H đã phát sinh mâu thuẫn và ly hôn theo Quyết định số 66/2015/QĐHNGĐ-ST ngày 16/01/2015. Sau đó chị D và anh H đăng ký kết hôn lại vào tháng 11/2015 nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vào tháng 7/2022 chị D nộp đơn ly hôn và đã rút đơn theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 1248/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh H là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai người con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày X và Nguyễn Trần An Đ, sinh ngày X. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nhưng từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay, anh H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của chị D. Đồng thời hai trẻ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung của chị D là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, việc chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo:

Chị D, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y do Ủy ban nhân dân Phường X, quận G, Thành phố H cấp ngày X hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai người con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày X và Nguyễn Trần An Đ, sinh ngày X cho chị Trần Thị Mỹ D nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Mỹ D không yêu cầu anh Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trọng H quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Mỹ D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0049283 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị Trần Thị Mỹ D đã đóng đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung